

Số: 36 /2025/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia; Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1545/TTr-SCT ngày 30 tháng 9 năm 2025 và kết quả thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 126/BC-STP ngày 25 tháng 9 năm 2025 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về quy trình xây

dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2025; các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành, cụ thể:

1. Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) ban hành Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công, mức chi cho hoạt động khuyến công, xây dựng và thực hiện đề án từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý kinh phí khuyến công, mức chi cho hoạt động khuyến công, xây dựng và thực hiện đề án từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Phước Hiền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND
Ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về Quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường, đặc khu, các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn - viết tắt là cơ sở CNNT).

2. Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về công tác khuyến công thực hiện trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn (thường là 5 năm) được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhằm khuyến khích phát triển công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động tại địa phương.

2. Kế hoạch khuyến công địa phương hằng năm là tập hợp các Đề án, nhiệm vụ khuyến công thực hiện trên địa bàn tỉnh hằng năm, trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được nhằm đáp ứng yêu cầu của Chương trình khuyến công địa phương theo từng giai đoạn. Kế hoạch khuyến công địa phương hằng năm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đơn vị thực hiện đề án là các tổ chức lập đề án khuyến công địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt. Đối với đề án sử dụng nguồn kinh phí khuyến công cấp tỉnh, đơn vị thực hiện đề án là Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh.

4. Đơn vị phối hợp là tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác triển khai thực hiện Đề án khuyến công.

5. Đơn vị thụ hưởng là các cơ sở CNNT; cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được thụ hưởng trực tiếp từ kết quả của việc triển khai Đề án khuyến công.

6. Nhiệm vụ khuyến công địa phương thường xuyên là các nhiệm vụ để phục vụ chung cho hoạt động khuyến công trên địa bàn, bao gồm: Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; xây dựng cơ sở dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác; trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công; tổ chức Hội chợ, triển lãm; tổ chức hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; xây dựng, duy trì, phổ biến cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công và sản xuất sạch hơn; xây dựng kế hoạch khuyến công hằng năm; kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công; tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Nguồn kinh phí khuyến công địa phương

1. Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí cho hoạt động khuyến công cấp tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện.

2. Ngân sách xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) đảm bảo kinh phí cho hoạt động khuyến công trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện.

3. Huy động nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình khuyến công quốc gia, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 5. Phương thức thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương

1. Các đề án, nhiệm vụ sử dụng kinh phí khuyến công địa phương thực hiện đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (nếu đảm bảo điều kiện) gồm: Tổ chức hội chợ, triển lãm trong tỉnh, hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và sửa chữa nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp, các đề án truyền thông.

2. Các nhiệm vụ khuyến công địa phương thường xuyên do Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh, UBND cấp xã thực hiện thì thực hiện theo dự toán được giao.

3. Các đề án, nhiệm vụ khác sử dụng kinh phí khuyến công địa phương thực hiện theo phương thức xét chọn.

Chương II

XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 6. Xây dựng, phê duyệt Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn

1. Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương, định hướng phát triển công nghiệp trên địa bàn và nội dung hỗ trợ về khuyến công, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng chương trình khuyến công địa phương giai đoạn; tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Quyết định phê duyệt chương trình khuyến công địa phương giai đoạn của Ủy ban nhân dân tỉnh là căn cứ để triển khai xây dựng Kế hoạch khuyến công địa phương hằng năm.

Điều 7. Xây dựng, phê duyệt Kế hoạch khuyến công địa phương hằng năm

1. Hằng năm, căn cứ vào chương trình khuyến công địa phương giai đoạn đã được phê duyệt và tình hình thực tế của địa phương, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh thông báo, hướng dẫn đăng ký danh mục, nội dung hoạt động khuyến công gửi các cơ quan, đơn vị, cơ sở CNNT

trên địa bàn tỉnh để đăng ký danh mục, nội dung hoạt động khuyến công của năm tiếp theo.

2. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh chủ trì, rà soát tổng hợp danh mục, nội dung đăng ký của các cơ quan, đơn vị, cơ sở CNNT, đồng thời bổ sung nhiệm vụ khuyến công thường xuyên của đơn vị mình, xây dựng dự thảo kế hoạch khuyến công địa phương hằng năm gửi Sở Công Thương, Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan để lấy ý kiến. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh hoàn thiện dự thảo kế hoạch khuyến công địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

3. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh triển khai nội dung kế hoạch khuyến công địa phương hằng năm đã được phê duyệt đến các địa phương, đơn vị có liên quan để triển khai, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khuyến công và lập đề án khuyến công địa phương.

Điều 8. Nguyên tắc lập Đề án khuyến công địa phương

1. Phù hợp với chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp của Đảng, Nhà nước; phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Phù hợp với đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công; phù hợp với kế hoạch khuyến công địa phương đã được phê duyệt.

3. Phù hợp với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động khuyến công.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương

1. Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này, trong đó cam kết của Đơn vị thụ hưởng đã đầu tư vốn hoặc đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ); cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chi đề nghị kinh phí khuyến công hỗ trợ.

2. Đề án khuyến công địa phương lập theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Một số dạng đề án khuyến công phải kèm các tài liệu theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

4. Hồ sơ pháp lý của các Đơn vị thụ hưởng gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương; Bản sao

hợp lệ Bảng cân đối kế toán (đối với các cơ sở công nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã) và các văn bản có liên quan (nếu có).

Điều 10. Thẩm định đề án khuyến công địa phương cấp tỉnh

1. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh rà soát, tổng hợp hồ sơ đăng ký hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương, gửi Sở Công Thương để tổ chức thẩm định. Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm:

- a) Tờ trình theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;
- b) Báo cáo kết quả khảo sát nội dung bao gồm: tổng số cơ sở CNNT được khảo sát, cơ sở vật chất (nhà xưởng, máy móc hiện có) của các cơ sở CNNT; Đánh giá, lựa chọn đề án để trình Sở Công Thương để tổ chức thẩm định; Triển khai đề án nếu được hỗ trợ;
- c) Hồ sơ đăng ký hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương quy định tại Điều 9 Quy định này.

2. Sở Công Thương thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định các đề án khuyến công địa phương cấp tỉnh. Hội đồng thẩm định bao gồm:

- a) Chủ tịch hội đồng: Đại diện lãnh đạo Sở Công Thương;
- b) Thành viên Hội đồng: Mời đại diện lãnh đạo các Sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, đại diện các phòng chuyên môn thuộc Sở Công Thương; Sở Công Thương mời các sở ngành có liên quan, các chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp (nếu cần thiết). Sở Công Thương cử công chức làm thư ký Hội đồng;
- c) Hội đồng được sử dụng con dấu của Sở Công Thương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;
- d) Quá trình thẩm định có thể kiểm tra thực tế để làm rõ các nội dung liên quan của đề án nếu cần thiết.

3. Nội dung thẩm định

- a) Mức độ phù hợp của đề án với nguyên tắc tại Điều 8 của Quy định này;
- b) Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất kỹ thuật khác;
- c) Năng lực của đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị hưởng thụ;
- d) Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác;
- đ) Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu đề án;
- e) Áp dụng nguyên tắc ưu tiên đối với đề án theo quy định.

Điều 11. Phê duyệt đề án khuyến công địa phương cấp tỉnh

1. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khuyến công địa phương cấp tỉnh.

2. Hồ sơ trình phê duyệt đề án khuyến công địa phương cấp tỉnh gồm:

a) Tờ trình phê duyệt đề án khuyến công địa phương, kèm biểu tổng hợp đề án gồm các nội dung cơ bản như: tên đề án, đơn vị thực hiện, đơn vị thụ hưởng, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian triển khai;

b) Đề án khuyến công đã được chỉnh sửa, hoàn thiện sau thẩm định;

c) Báo cáo kết quả thẩm định các đề án khuyến công địa phương cấp tỉnh;

d) Dự thảo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Tổ chức thực hiện đề án khuyến công địa phương cấp tỉnh

1. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh thông báo các Đề án khuyến công đã được phê duyệt đến các Đơn vị thụ hưởng và triển khai thực hiện Đề án, ký kết hợp đồng, nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Đề án theo đúng quy định.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án khuyến công địa phương cấp tỉnh.

Điều 13. Điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án khuyến công cấp tỉnh

1. Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công địa phương, đơn vị thụ hưởng có văn bản gửi Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án.

2. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan để xác định các nội dung điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, gửi Sở Công Thương để tổ chức thẩm định; trên cơ sở kết quả thẩm định, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 14. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công địa phương cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo xây dựng, phê duyệt kế hoạch, đề án khuyến công địa phương cấp xã tùy theo khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế tại địa phương; giao cho các đơn vị quản lý nhà nước về công

thương cấp xã tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công địa phương cấp xã.

Chương III

TẠM ỨNG, THANH QUYẾT TOÁN VÀ QUẢN LÝ ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 15. Tạm ứng kinh phí khuyến công cấp tỉnh

1. Tạm ứng 30% kinh phí hỗ trợ: Đối với các đề án hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp.

Hồ sơ tạm ứng gồm: Hợp đồng thực hiện đề án, hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (trường hợp chủ đầu tư thuê ngoài), báo cáo tiến độ của đơn vị thực hiện thụ hưởng đề án xác định đã thực hiện được trên 50% khối lượng công việc của hạng mục được hỗ trợ.

2. Tạm ứng 70% kinh phí hỗ trợ

a) Đối với các đề án hỗ trợ hoạt động: Tư vấn, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, diễn đàn; tham quan khảo sát; xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn; đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các cơ sở công nghiệp nông thôn; thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh; xây dựng các cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp; xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp.

Hồ sơ tạm ứng gồm: Hợp đồng thực hiện đề án và kế hoạch tổ chức thực hiện đề án (đối với các hoạt động hội nghị, hội thảo, khảo sát học tập kinh nghiệm; xây dựng và đăng ký nhãn hiệu);

b) Đối với các đề án hỗ trợ: Tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước; tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài; hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm; xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác; lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp.

Hồ sơ tạm ứng gồm: Hợp đồng thực hiện đề án, hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu (đối với đề án hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp);

c) Đối với các đề án hỗ trợ: Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn.

Hồ sơ tạm ứng gồm: Hợp đồng thực hiện đề án, báo cáo tiến độ của đơn vị thụ hưởng xác định giá trị khối lượng công việc đã thực hiện tương ứng trên 70% tổng vốn đầu tư của dự án.

Điều 16. Thanh quyết toán kinh phí khuyến công cấp tỉnh

1. Sau khi đề án được triển khai thực hiện theo tiến độ của hợp đồng đã ký, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh tổ chức nghiệm thu đề án để làm cơ sở thanh quyết toán kinh phí. Hồ sơ, thủ tục để nghiệm thu gồm báo cáo tổng kết đề án, báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện hợp đồng Đề án khuyến công, các tài liệu, chứng từ liên quan theo quy định.

2. Thanh lý hợp đồng, thanh toán kinh phí: Chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án, đơn vị thực hiện đề án phải hoàn thành việc lập hồ sơ để thanh lý hợp đồng theo quy định. Hồ sơ thanh lý gồm biên bản nghiệm thu thực hiện đề án và tài liệu, chứng từ liên quan kèm theo khi nghiệm thu.

Trường hợp không hoàn thành các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, kết quả, thời gian thực hiện của hợp đồng thực hiện đề án vì lý do bất khả kháng, việc thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc đã thực hiện và khối lượng được nghiệm thu. Hồ sơ để thanh lý hợp đồng trong trường hợp này gồm văn bản giải trình của đơn vị thực hiện đề án, chứng từ chi cho khối lượng công việc đã thực hiện và biên bản nghiệm thu.

Thanh toán kinh phí: Kinh phí còn lại sau khi trừ tạm ứng được thanh toán sau khi đề án hoàn thành, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng. Các Đề án khuyến công không quy định về tạm ứng thì thực hiện thanh toán một lần.

3. Quyết toán kinh phí khuyến công cấp tỉnh

Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc sau khi Đề án thực hiện hoàn thành, đơn vị thụ hưởng thực hiện quyết toán kinh phí thực hiện Đề án với Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh. Hồ sơ quyết toán từng đề án khuyến công địa phương bao gồm: Hợp đồng, thanh lý hợp đồng triển khai thực hiện đề án khuyến công địa phương; Biên bản nghiệm thu; Bản sao hóa đơn tài chính; phiếu chi hoặc giấy chuyển tiền, các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Đề án khuyến công.

Điều 17. Quản lý đề án khuyến công địa phương cấp tỉnh

Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh có trách nhiệm triển khai, báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện các đề án; có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về đề án khuyến công địa phương theo quy định của pháp luật. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu và các văn bản trong quá

trình lập hồ sơ và tổ chức thực hiện đề án, chịu trách nhiệm về tính hiệu quả của đề án.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Sở Công Thương

1. Là cơ quan giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương; chủ trì phổ biến, hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khuyến công được giao; kiểm tra, giám sát việc triển khai chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương.

3. Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký hỗ trợ kinh phí khuyến công cấp tỉnh, tổng hợp.

4. Hằng năm, tổng hợp tình hình kết quả hoạt động khuyến công và những kiến nghị của các sở, ban, ngành, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 19. Sở Tài chính

1. Trên cơ sở dự toán kinh phí khuyến công hằng năm do Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh lập, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí để thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Công Thương thẩm định kinh phí khuyến công; kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định.

Điều 20. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh

1. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh thực hiện các nhiệm vụ tại Quy định này và có trách nhiệm quản lý, đánh giá việc thực hiện các đề án được hỗ trợ; hướng dẫn, ký kết hợp đồng tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công đã được phê duyệt.

2. Báo cáo kết quả hoạt động khuyến công hằng năm trên địa bàn tỉnh gửi về Sở Công Thương trước ngày 05 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

3. Trước tháng 9 của năm cuối thực hiện chương trình khuyến công địa phương giai đoạn, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh báo

cáo tổng kết việc thực hiện các đề án của Chương trình. Nội dung báo cáo gồm: tổng số đề án, nội dung hỗ trợ, kinh phí đã thực hiện; tình hình sử dụng lao động, doanh thu, lợi nhuận, đóng góp ngân sách của các đơn vị thụ hưởng; đánh giá, đề xuất để nâng cao hiệu quả chương trình khuyến công trong giai đoạn tiếp theo.

Điều 21. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh xây dựng, thực hiện chương trình, kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện quy định này.

Điều 22. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo phòng chuyên môn hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị, các cơ sở CNNT trên địa bàn có nhu cầu, tham gia đăng ký kế hoạch khuyến công.

2. Cân đối, bố trí kinh phí khuyến công cấp xã để hỗ trợ thực hiện các đề án, chương trình khuyến công cấp xã sở đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

3. Phối hợp với Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh và các cơ quan liên quan trong công tác nghiệm thu, kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công cấp tỉnh trên địa bàn.

Điều 23. Các đơn vị thụ hưởng kinh phí khuyến công

1. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân thụ hưởng kinh phí khuyến công có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả nguồn vốn được hỗ trợ.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra, giám sát, quyết toán kinh phí khuyến công.

3. Những tổ chức, cá nhân vi phạm, có hành vi gian lận để được hưởng các khoản hỗ trợ từ kinh phí khuyến công thì phải hoàn trả và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, trường hợp phát sinh vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC**DANH SÁCH CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN**

(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2025)

STT	BIỂU MẪU	TÊN BIỂU MẪU
1	Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công
2	Mẫu số 02	Nội dung đề án
3	Mẫu số 03	Các tài liệu gửi kèm của một số dạng đề án khuyến công
4	Mẫu số 04	Tờ trình

Mẫu số 01. Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công**(TÊN ĐƠN VỊ)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quảng Ngãi, ngày ... tháng năm 20...***ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG**

Kính gửi:

- Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi;
- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh.

Tên đơn vị:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hộ kinh doanh:

Địa chỉ:

Tên người đại diện:.....

Chức vụ:

Số điện thoại:.....

Đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương cấp tỉnh năm với nội dung như sau:

1. Tên đề án/Nội dung đề nghị hỗ trợ:.....
2. Địa điểm thực hiện:.....
3. Thời gian thực hiện:
4. Kinh phí thực hiện:
5. Lý do đề nghị hỗ trợ:
6. Cam kết:

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, hỗ trợ kinh phí cho đề án.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**(Ký tên và đóng dấu)**

Mẫu số 02. Nội dung đề án

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Tên đề án:.....

2. Thời gian thực hiện:.....

3. Kinh phí:.....

4. Đơn vị thực hiện:.....

- Tên đơn vị..... - Địa chỉ:.....

- Điện thoại/Fax/Email:.....

- Đại diện đơn vị:.....

- Chức vụ:.....

- Tài khoản số mở tại

- Mã số thuế:.....

5. Đơn vị thụ hưởng:.....

- Tên đơn vị..... - Địa chỉ:.....

- Điện thoại/Fax/Email:.....

- Đại diện đơn vị:.....

- Chức vụ:.....

- Tài khoản số mở tại

- Mã số thuế:.....

6. Địa điểm thực hiện đề án:.....

7. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải thực hiện đề án.

7.1. Cơ sở pháp lý:

7.2. Sự cần thiết phải thực hiện đề án:

8. Mục tiêu của đề án: *(Nêu những mục tiêu của đề án cần đạt được. Các mục tiêu phải rõ ràng, cụ thể đáp ứng được nhu cầu thực tế của đơn vị).*

9. Quy mô đề án: *(Nêu các hoạt động chính của Đề án)*

10. Nội dung và tiến độ thực hiện:

10.1. Xác định nội dung công việc cần thực hiện.

10.2. Tiến độ thực hiện cho từng hạng mục hoặc từng giai đoạn cụ thể.

11. Dự toán kinh phí:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Trong đó		
						Nguồn KPKC	Nguồn đóng góp của đơn vị thụ hưởng	Nguồn khác
1								
2								
...								
Tổng cộng (bao gồm thuế VAT)								
Tổng kinh phí thực hiện đề án: ... + Kinh phí khuyến công địa phương đề nghị hỗ trợ: ... + Nguồn đóng góp của đơn vị thụ hưởng: + Nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nếu có):								

12. Hiệu quả của đề án:**13. Các ưu tiên đối với đề án.****14. Tổ chức thực hiện:****15. Kết luận và kiến nghị:**

....., ngàytháng.....năm 20...

Đơn vị phối hợp**Đơn vị thực hiện**

Mẫu số 03. Các tài liệu gửi kèm của một số dạng đề án khuyến công**CÁC TÀI LIỆU GỬI KÈM CỦA MỘT SỐ DẠNG ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG**

TT	Dạng đề án	Tài liệu gửi kèm
1	Đào tạo nghề, truyền nghề	Chương trình đào tạo, giáo trình hoặc tài liệu đào tạo nghề
2	Hoạt động biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo nghề, khởi sự, quản trị doanh nghiệp công nghiệp nông thôn và đào tạo cán bộ khuyến công	Đề cương Chương trình, giáo trình hoặc tài liệu sẽ biên soạn.
3	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới	Dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật, kèm quyết định đầu tư của chủ đầu tư (trừ trường hợp hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác).
4	Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn	Dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật kèm theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền (trừ trường hợp hộ kinh doanh cá thể).
5	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	- Văn bản của chủ đầu tư đề nghị hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, trong đó có cam kết về vốn đối ứng để thực hiện; - Bản sao hợp lệ quyết định thành lập cụm công nghiệp; - Bản sao hợp lệ quyết định phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp của cấp có thẩm quyền (trường hợp quyết định của doanh nghiệp, phải kèm theo văn bản thẩm tra của đơn vị có chức năng).
6	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp	- Văn bản của chủ đầu tư đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng hạng mục công trình (hoặc gói thầu) hạ tầng của cụm công nghiệp, trong đó có cam kết

		vốn đối ứng để thực hiện; - Báo cáo tiến độ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đến thời điểm xây dựng kế hoạch hỗ trợ; - Bản sao hợp lệ quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp; - Bản sao hợp lệ Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Giấy chứng nhận đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp (nếu có);
		- Bản sao hợp lệ: Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán của hạng mục công trình (hoặc gói thầu) đề nghị hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
7	Hỗ trợ hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp	- Văn bản của chủ đầu tư đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường của cụm công nghiệp, trong đó có cam kết vốn đối ứng để thực hiện; - Báo cáo tiến độ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đến thời điểm xây dựng kế hoạch hỗ trợ; - Bản sao hợp lệ quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp; quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp; Giấy chứng nhận đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp (nếu có); - Bản sao hợp lệ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục công trình xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường chung của cụm công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mẫu số 04. Tờ trình

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
**TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU
TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

Số: /TTr-

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định đề án khuyến công địa phương năm 20...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/05/2012 của Chính phủ về khuyến công; Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/05/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị quyết số

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày...tháng...năm.....của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch Khuyến công địa phương năm

Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh lập các đề án khuyến công địa phương gửi kèm theo Tờ trình này. Trung tâm kính đề nghị Sở Công Thương, Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định các đề án sau:

1. Tên đề án 1:

- Tên đơn vị thụ hưởng:
- Địa chỉ.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương):.....
- Nội dung hỗ trợ:.....
- Mức đề nghị hỗ trợ:
- Sản phẩm tạo ra sau khi thực hiện đề án:

2. Tên đề án 2:

- Tên đơn vị thụ hưởng:

- Địa chỉ.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương):.....

- Nội dung hỗ trợ:.....

- Mức đề nghị hỗ trợ:

- Sản phẩm tạo ra sau khi thực hiện đề án:

n. Tên đề án:.....**Tổng số đề án đề nghị hỗ trợ:****Tổng giá trị đề nghị hỗ trợ:**

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch kính trình Sở Công Thương xem xét, thẩm định ./.

GIÁM ĐỐC**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu...